



dà ren

大人

Noun · adult

Example Sentences

xiǎo hái zi bù néng kàn zhè shì gěi dà rén kàn de diàn yǐng
小孩子不能看，这是给大人看的电影。

Children cannot watch this; this is a movie for adults.

dà rén shàng qiě zuò bú dào hé kuàng xiǎo hái ne
大人 尚 且 做 不 到 ， 何 况 小 孩 呢 ？

Even adults can't do it, let alone children.

Trace each character, then write the word on your own.

大 大 大 大 大 大